

Số: 80/TB-VC1-V4

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020



### THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Vụ án dân sự “**Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**”

Thông qua công tác kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án dân sự “*Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa Nguyên đơn là ông Đinh Văn H; Bị đơn là bà Đinh Thị M, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật, thu thập, xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ, cách phân chia di sản thừa kế không phù hợp, cần rút kinh nghiệm như sau:

#### **Nội dung vụ án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:**

##### **Nội dung vụ án:**

Nguyên đơn ông Đinh Văn H trình bày: Bố mẹ ông là cụ Đinh Văn Q (chết năm 2007) và cụ Đinh Thị L (chết năm 2006) sinh được 09 người con là các ông, bà: Đinh Văn A, Đinh Thị B, Đinh Thị C, Đinh Thị Nh, Đinh Văn T (bị tàn tật, không có khả năng lao động), Đinh Văn D, Đinh Văn H, Đinh Văn E, Đinh Văn Đ và có 01 người con nuôi là bà Đinh Thị M.

Khi còn sống, bố mẹ ông được cấp 585m<sup>2</sup> đất thổ cư (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ cụ Đinh Văn Q) tại xóm 1, xã Hải Phúc, huyện H, tỉnh N và 2.090m<sup>2</sup> đất ruộng hai lúa. Ngày 25/5/2004, cụ Q và cụ L họp gia đình với sự tham dự của một số người con. Tại buổi họp đã lập “*Giấy ủy nhiệm cho con cháu*”, giấy này do ông A viết, được giao cho mỗi người con một bản có nội dung: Chia đất thổ cư của bố mẹ (*một sào sáu*) cho bà M 06 miếng, ông T 09 miếng, cắt cho anh X (là cháu đích tôn) 02m chiều ngang chạy suốt Đông Tây, phía Nam cuối thổ đất (hiện nay anh X đã chuyển nhượng cho anh Y và anh Y đã xây công trình phụ trên phần đất đó). Trong Giấy ủy nhiệm trên còn có thêm nội dung: Sau này bố mẹ ông chết đi nếu bà M kết hôn mà vẫn ở nhà chăm sóc ông T đến khi ông T chết và làm ma cho ông T thì 09 miếng đất của ông T sẽ do bà M được hưởng. Trường hợp bà M đi xây dựng gia đình không về ở thì được hưởng 06 miếng, nếu đưa chồng về ở trông nom ông T khi ông T chết thì được hưởng đất của ông, bà cắt cho hai người. Tuy nhiên, sau khi cụ Q và cụ L chết, bà M không ở nhà chăm sóc ông T mà lên Hà Nội làm nghề giúp việc (osin); vợ chồng ông H phải chăm sóc ông T, khi ông T chết vợ chồng ông H làm ma chay, cúng giỗ. Năm 2012, bà M tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Q và cụ L để sang tên cho bà M 585m<sup>2</sup> đất trên, các anh em trong gia đình không ai biết việc này. Cụ Q và cụ L chết không để lại di chúc, các anh chị em trong gia đình chưa có văn bản phân chia di sản thừa kế, chữ ký, chữ viết Đinh Văn H trong “*Văn bản phân chia tài sản thừa kế*” là giả mạo. Ông H khởi kiện và đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đinh Thị M và phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông H theo pháp luật.





*Bị đơn bà Đinh Thị M trình bày:* Bà M được cụ Q và cụ L nuôi từ nhỏ, là con út trong gia đình, các anh chị đều đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình, có cuộc sống riêng. Bà là người phải lao động vất vả để nuôi bố mẹ già và ông T bị tàn tật không có khả năng lao động. Ngày 25/5/2004, bố mẹ bà đã mời các con đến họp để phân chia đất và lập “*Giấy ủy nhiệm cho con cháu*” có nội dung như ông H đã trình bày, các anh em là những người thừa kế đã ký vào giấy trên. Sau khi bố, mẹ chết, bà M đi làm giúp việc (ôsin) ở Hà Nội tháng nào cũng gửi cho bà Phạm Thị F (vợ ông H) số tiền 3.000.000 đồng (gửi trực tiếp hoặc có lúc gửi qua xe ô tô, bà không nhớ xe bà gửi) để nuôi ông T. Bà xác định đã làm tròn trách nhiệm bố mẹ ủy thác. Năm 2012, ông T chết, bà M đến gặp ông Tiên (cán bộ địa chính xã) đề nghị làm thủ tục chuyển toàn bộ thửa đất của bố mẹ sang tên bà M. Khi đến xã, bà M đi cùng bà F. Bà và bà F cùng đề nghị ông Tiên làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà. Quá trình làm thủ tục, tại các văn bản phân chia tài sản thừa kế và Biên bản thẩm tra hồ sơ thực địa, bà M trực tiếp ký còn các chữ ký khác có liên quan bà nhờ bà F mang về cho mọi người ký tại nhà họ, bà không chứng kiến việc họ ký; hai người ở miền Nam thì bà F gửi hồ sơ cho ký. Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà F đã tự ý xuống Ủy ban xã lấy và gọi điện cho bà. Một tháng sau bà M về gặp bà F lấy “*Sổ đỏ*” mang tên bà M nhưng bà F không đưa, bà đã nhiều lần yêu cầu bà F trả “*Sổ đỏ*” và Sổ hộ khẩu, bà F và ông H không trả mà còn lảng nhục bà. Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà M yêu cầu vợ chồng ông H, bà F trả lại cho bà Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà, còn việc bà bán đất cho anh Y, sau đó anh Y đã xây nhà, sử dụng như hiện nay, sau khi lấy được “*Sổ đỏ*”, bà M có trách nhiệm chuyển nhượng cho anh Y.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn là ông Đinh Văn Đ và các bà Đinh Thị B, Đinh Thị Nh và Đinh Thị C có lời khai thống nhất:* Ông Đ và các bà là con của cụ Q và cụ L. Bố mẹ các ông, bà chết không để lại di chúc. Trước khi chết, cụ Q và cụ L có thửa đất 585m<sup>2</sup> như đã nêu trên. Trước đây, bà Đinh Thị M (em nuôi) không đi xây dựng gia đình và ông Đinh Văn T bị tàn tật ở chung cùng hai cụ. Nhà là do cụ Q tổ chức xây có sự hỗ trợ, giúp đỡ công sức của các con, bà M chỉ đóng góp công sức. Khi cụ Q và cụ L chết, bà M đi làm ôsin ở Hà Nội, ông T ở với vợ chồng ông Đinh Văn H, bà Phạm Thị F. Khi ông T chết, ông H lo ma chay cho ông T. Đến nay, ông Đ và các bà mới được biết năm 2012, bà M đã đi làm các thủ tục sang tên đất của cụ Q và cụ L cho bà M. Ông Đ và các bà chưa bao giờ đến Ủy ban xã ký vào văn bản phân chia tài sản thừa kế và biên bản thẩm tra hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhà đất của cụ Q và cụ L sang tên cho bà M và bà F cũng không đưa giấy tờ gì cho ông Đ và các bà ký. Chữ ký đứng tên ông Đ và các bà trong văn bản “*Văn bản phân chia tài sản thừa kế*” là giả mạo. Ông Đ và các bà B, C, Nh có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, phân tài sản được chia theo pháp luật của các kỹ phần thống nhất giao cho ông H quản lý làm nơi thờ cúng bố mẹ, ông bà và là nơi con cháu đi về.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn gồm bà Đỗ Thị Th (vợ ông E) cùng các con ông E (chị Đinh Thị Thúy U, anh Đinh Văn Z, anh Đinh Tuấn K và các con của ông A (anh Đinh Văn X, Đinh Văn Y, Đinh Văn P,*



*Đinh Văn Ch, Đinh Văn Th - do anh Y đại diện)* có lời khai thống nhất: Ngày 25/5/2004, Cụ Q và cụ L đã mời các con đến họp để phân chia đất và lập “*Giấy ủy nhiệm cho các con về việc phân chia đất thổ cư của ông bà*”, giấy này do ông A viết và phát cho mỗi người con của cụ Q và cụ L một bản. Giấy ủy nhiệm có nội dung như ông H, bà M đã trình bày. Những người liên quan cùng có quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng ông H, bà F trả lại giấy tờ nhà đất mang tên bà M. Đối với việc bà M bán đất và việc vợ chồng ông H, bà F đổi đất cho anh Y, do anh Y đã xây nhà và sử dụng như hiện nay nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi của các bên. Tại Biên bản lấy lời khai bà Th do Tòa án nhân dân huyện H lập ngày 26/5/2020 theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 1894/2020/QĐ-UTTA ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thể hiện: Bà Th đã giao Giấy triệu tập các phiên tòa trước đây cho các con ông E (chị Đinh Thị Thúy U, anh Đinh Văn Z và anh Đinh Tuấn K) nhưng do điều kiện xa nên không về tham gia phiên tòa được; bà Th và các con bà nhất trí nhường phần di sản thừa kế mà bà Th và các con được hưởng cho bà M. Tuy nhiên, văn bản này chỉ mới thể hiện quan điểm của bà Th mà không có ý kiến và chữ ký của các con bà Th.

Ông Đinh Văn D và ông Đinh Văn T đã chết, không có vợ, con.

*Tại Bản kết luận giám định số 445/KLGD-PC45 ngày 24/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N đã kết luận:* Chữ ký, chữ viết đứng tên Đinh Thị B, Đinh Thị C, Đinh Thị Nh, Đinh Văn Đ dưới mục “*Những người thừa kế*”, “*Các thành phần khác*” trên tài liệu giám định - “*Văn bản phân chia tài sản thừa kế*” (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đinh Thị B, Đinh Thị C, Đinh Thị Nh, Đinh Văn Đ dưới mục “*Đương sự*”, “*Các đương sự tham gia phiên họp*” trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người ký, viết ra.

#### ***Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:***

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 09/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn H về việc yêu cầu “*Chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đinh Thị M*” thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 23, diện tích 585m<sup>2</sup>, tại xóm 1, xã Hải Phúc, huyện H, tỉnh N.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Q, cụ L để lại như sau:

2.1. Chia cho anh Đinh Văn Y (đại diện các con ông A) phần cuối thửa đất trong đó có một phần đất anh Y đã xây công trình phụ của gia đình anh, có diện tích:  $6m \times (11,78m + 11,8m) : 2 = 70,6m^2$ , cạnh phía Bắc chạy suốt từ Tây sang Đông hết chiều ngang thổ đất tiếp giáp với đất nhà anh Y dài 11,8m; phía Tây tiếp giáp với đất nhà ông H dài 06m; cạnh phía Nam tiếp giáp với đất nhà cụ Q, bà M dài 11,78m; cạnh phía Đông giáp đất nhà ông Ch dài 06m.





2.2. Chia cho bà Đỗ Thị Th (vợ ông E) và các con ông E (*đã chết*)  $65m^2$ , cạnh phía Nam tiếp giáp với đường đi của xóm dài  $5,5m$ , cạnh phía Bắc tiếp giáp với phần đất nhà bà M được chia dài  $5,5m$ , cạnh phía Đông tiếp giáp phần đất ông A dài  $11,82m$ , cạnh phía Tây tiếp giáp đất nhà ông H đang ở dài  $11,82m$ .

2.3. Chia cho bà M  $140,3m^2$  đất, có 01 phần nhà bố mẹ để lại và nhà tình nghĩa, cạnh phía Nam tiếp giáp với phần đất chia cho vợ con ông Đ dài  $5,5m$ , cạnh phía Bắc tiếp giáp với phần đất nhà ông H được chia dài  $5,5m$ , cạnh phía Đông tiếp giáp phần đất ông A dài  $25,5m$ , cạnh phía Tây tiếp giáp đất nhà ông H được chia dài  $25,51m$ , bà M được nhận phần nhà nằm trên phần đất được chia và nhận giá trị nhà ông H thanh toán là  $18.000.000$  đồng. Bà M có trách nhiệm quản lý phần đất mà bà Th và các con ông E được hưởng thừa kế.

2.4. Chia ông H (có cả phần ông Đ, bà Nh, bà C và bà B) phần diện tích đất còn lại, 01 phần nhà của bố mẹ để lại xây, lợp ngói, nền lát gạch hoa, cửa gỗ nhóm 5, có tổng diện tích đất là  $308,1m^2$ , cạnh phía Bắc giáp nhà, đất anh Y dài  $11,78m$  và phần cạnh phía Bắc tiếp giáp với nhà bà M được chia dài  $5,5m$ , cạnh phía Nam tiếp giáp với đường đi của xóm dài  $6,2m$ , cạnh phía Tây tiếp giáp đất nhà ông H, bà F đang ở dài  $43,6m$ , cạnh phía Đông tiếp giáp phần đất bà M và vợ con ông E được chia dài  $37,33m$ . Ông H có trách nhiệm quản lý, sử dụng phần đất mà ông H, cụ Q, bà B, bà Nh, bà C được chia và xây bức tường ngăn ranh giới giữa phần nhà ông H với phần nhà, đất bà M và vợ con ông E được chia, ông H thanh toán trả cho bà M phần giá trị nhà là  $18.000.000$  đồng.

(Việc phân chia tài sản có sơ đồ kèm theo).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ thi hành chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 998410, mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đinh Thị M. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo như quyết định bản án đã tuyên.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và một số nội dung khác có liên quan theo quy định.

### **Những vấn đề cần rút kinh nghiệm:**

#### ***Đối với việc phân chia di sản thừa kế:***

*Về diện được hưởng thừa kế theo pháp luật:* Cụ Đinh Văn Q và cụ Đinh Thị L sinh được 09 người con chung gồm các ông/bà: Đinh Văn A, Đinh Thị B, Đinh Thị C, Đinh Thị Nh, Đinh Văn T, Đinh Văn D, Đinh Văn H, Đinh Văn Đ, Đinh Văn E và 01 người con nuôi là bà Đinh Thị M. Những người con đang còn sống gồm ông H, ông Đ, bà B, bà Nh, bà C, bà M (06 người). Ông D và ông T đã chết không có vợ con nên suất thừa kế của hai ông được chia đều cho những người thừa kế cùng hàng. Ông A và vợ đã chết nên các con ông A được hưởng thừa kế phần của ông



A; ông E đã chết nên vợ là bà Th và các con ông E được hưởng thừa kế phần của ông E. Tổng cộng có 08 suất thừa kế.

*Về di sản thừa kế:* Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Q và cụ L gồm: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 23, diện tích  $585m^2$ , 01 nhà xây tường 220, gạch chỉ cao 03m, mái ngói, kích thước  $7,7m \times 5,5m$ ; 01 nhà (tình nghĩa) mái prôximăng, kích thước  $3,5m \times 5,5m$ ; 01 bể nước, bếp, nhà vệ sinh đã cũ, tường bao và sân đã cũ không còn giá trị sử dụng. Theo Biên bản thẩm định tại chỗ, trên đất còn có 01 cây xoài, 01 cây mít và 03 khóm chuối.

*Về việc phân chia di sản thừa kế:* Bản án sơ thẩm đã phân chia:

“2.2. Chia cho bà Đỗ Thị Th (vợ ông E) và các con ông E (đã chết)  $65m^2$ , cạnh phía Nam tiếp giáp với đường đi của xóm dài  $5,5m$ , cạnh phía Bắc tiếp giáp với phần đất nhà bà M được chia dài  $5,5m$ , cạnh phía Đông tiếp giáp phần đất ông A dài  $11,82m$ , cạnh phía Tây tiếp giáp đất nhà ông H đang ở dài  $11,82m$ .

2.3. Chia cho bà M  $140,3m^2$  đất, có 01 phần nhà bố mẹ để lại và nhà tình nghĩa, cạnh phía Nam tiếp giáp với phần đất chia cho vợ con ông Đ dài  $5,5m$ , cạnh phía Bắc tiếp giáp với phần đất nhà ông H được chia dài  $5,5m$ , cạnh phía Đông tiếp giáp phần đất ông A dài  $25,5m$ , cạnh phía Tây tiếp giáp đất nhà ông H được chia dài  $25,51m$ , bà M được nhận phần nhà nằm trên phần đất được chia và nhận giá trị nhà ông H thanh toán là 18.000.000 đồng. Bà M có trách nhiệm quản lý phần đất mà bà Th và các con ông E được hưởng thừa kế”.

Việc phân chia tài sản cho bà M như trên là không phù hợp, bởi lẽ: Tòa án sơ thẩm chỉ mới xác định được ý chí của bà Th (vợ ông E) về việc bà Th cho bà M phần di sản thừa kế mà bà Th được hưởng, còn ý chí của các con ông E chưa được thể hiện. Theo quyết định của Bản án sơ thẩm và sơ đồ phân chia kèm theo bản án, thấy rằng: Khi các con ông E gồm chị Đinh Thị Thúy U, anh Đinh Văn Z, anh Đinh Tuấn K có yêu cầu sử dụng đất thì bà M sẽ không có lối đi ra ngoài đường, không bảo đảm quyền lợi của bà M trong quá trình sử dụng nhà, đất.

Bản án sơ thẩm xác định mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng quyền sử dụng đất tương ứng với  $65m^2$  đất (bà M được hưởng thêm công sức tương ứng  $65m^2$  đất). Tuy nhiên, đã giao cho ông H (có cả phần ông Đ, bà Nh, bà C và bà B = 05 suất thừa kế) là  $308,1m^2$ , còn thiếu:  $05 \times 65m^2 - 308,1m^2 = 16,9m^2$ ; giao bà M  $140,3m^2$  đất, nhiều hơn tiêu chuẩn được hưởng: là  $140,3m^2 - (65m^2 \times 2) = 10,3m^2$ ; giao các con ông A đại diện là anh Y  $70,6m^2$ , nhiều hơn tiêu chuẩn được hưởng là  $70,6m^2 - 65m^2 = 5,6m^2$  với nhận định “Phần thừa kế của các bên của bà M và các con ông A được chia dựa trên hiện trạng thửa đất có chênh lệch một số  $m^2$  đất không đặt ra thanh toán tiền đất thừa cho nhau” là không đảm bảo sự công bằng, gây thiệt hại cho ông H (Nguyên đơn) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn.

Giá trị di sản thừa kế được Bản án sơ thẩm xác định theo kết quả định giá là: Đất ở: 82.000.000đ; đất vườn, ao: 28.500.000đ; 01 nhà xây tường 220, gạch chỉ cao 3m, mái ngói, nền gạch hoa, cửa gỗ nhóm 5, có giá trị còn lại là 30.300.000đ; 01 nhà tình nghĩa (mái prôximăng) có giá trị còn lại là 13.700.000đ. Tổng giá trị là 154.500.000đ. Như vậy, khi xác định có 08 suất



thừa kế thì mỗi suất thừa kế được hưởng giá trị bằng tiền sẽ là:  $154.500.000đ : 8 = 19.312.500đ$ . Bản án sơ thẩm đã chia cho bà M  $140,3m^2$  đất, giá trị tương ứng sẽ là:  $(82.000.000đ + 28.500.000đ) : 585m^2 \times 140,3m^2 = 26.501.111đ$ ; buộc ông H phải trả cho bà M phần giá trị nhà =  $18.000.000đ$ . Chưa kể phần giá trị nhà bà M được hưởng thì giá trị di sản thừa kế bà M đã được hưởng =  $44.501.111đ$  là vượt quá kỷ phần thừa kế và công sức mà bà M được hưởng ( $19.312.500đ \times 2 = 38.625.000đ$ ), gây bất lợi, thiệt hại cho những thừa kế khác.

Việc phân chia vật kiến trúc là ngôi nhà 03 gian cho ông H, bà M không rõ diện tích, kích thước, giá trị.

*Trên đất còn có:* 01 bể nước, bếp, nhà vệ sinh đã cũ, tường bao và sân (không còn giá trị sử dụng). Ngoài ra, trên đất còn có 01 cây xoài, 01 cây mít, 03 khóm chuối. Bản án sơ thẩm không phân chia cụ thể cho ai được sở hữu là giải quyết vụ án chưa triệt để, sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án.

*Áp dụng thiếu căn cứ pháp lý:* Bản án sơ thẩm không áp dụng các Điều 674, 675, 676 và Điều 678 Bộ luật Dân sự khi chia thừa kế theo pháp luật.

*Việc xác định lãi suất chậm trả:* Bản án sơ thẩm tuyên: “Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ thi hành chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”. Việc tuyên về lãi suất chậm trả như vậy là không đúng, vi phạm quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa đánh giá, xem xét đầy đủ các vấn đề nêu trên thì việc xác định và chia di sản thừa kế (kể cả quyền và nghĩa vụ) trong vụ án là chưa phù hợp, chưa có cơ sở vững chắc, áp dụng pháp luật còn thiếu, xác định lãi suất chậm trả chưa chính xác, bản án tuyên chưa rõ ràng gây khó khăn cho việc thi hành án ... Những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn H (Nguyên đơn), tuyên hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N, giao Hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật (hủy phần chia thừa kế).

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo đề các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trong khu vực nghiên cứu, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự. /.

**Nơi nhận:**

- VKSND 28 tỉnh, TP trong khu vực;
- Vụ 9, VC2, VC3, VP-VKSNDTC;
- Các Viện: 1, 2, 3, 4 và VP - VC1;
- Lãnh đạo VC1;
- Lưu: VT, HSKS, V4.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Phạm Thị Minh Yến**